

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA NGỮ VĂN**

LÊ ĐỨC LUẬN

**GIÁO TRÌNH
THI PHÁP VĂN HỌC DÂN GIAN**

ĐÀ NẴNG, NĂM 2020

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Bảng viết tắt	3
Lời nói đầu	4
Chương 1. Thi pháp học và đặc trưng thi pháp văn học dân gian	5
1.1. Thi pháp học, lịch sử và các trường phái nghiên cứu thi pháp	5
1.1.1. Thi pháp học là gì?	5
1.1.2. Đặc trưng thi pháp	6
1.1.3. Đặc trưng thi pháp VHDG	7
1.2. Lịch sử nghiên cứu thi pháp	9
1.2.1. Nghiên cứu thi pháp ở nước ngoài	9
1.2.2. Nghiên cứu thi pháp tại Việt Nam	15
1.3. Những trường phái và phương diện nghiên cứu thi pháp	17
1.3.1. Những trường phái	17
1.3.2. Những phương diện nghiên cứu thi pháp VHDG	21
1.4. Vấn đề xác định ranh giới các thể loại văn học dân gian	25
1.4.1. Phân định các thể loại truyện kể	25
1.4.2. Phân biệt các thể loại hát nói	31
Chương 2. Đặc trưng thi pháp các thể loại truyện kể dân gian	34
2.1. Đặc trưng thi pháp thần thoại	35
2.2.1. Thi pháp cốt truyện và phương thức trần thuật	34
2.2.2. Thi pháp nhân vật	34
2.2.3. Thi pháp ngôn từ	35
2.2.4. Thi pháp không gian và thời gian	35
2.2.5. Tín ngưỡng nguyên thủy trong thần thoại	37
2.2. Đặc trưng thi pháp truyền thuyết	38
2.2.1. Thi pháp cốt truyện và phương thức trần thuật	38
2.2.2. Thi pháp nhân vật	41
2.2.3. Biểu tượng truyền thuyết	51
2.2.4. Thi pháp ngôn từ	55
2.2.5. Thi pháp không gian và thời gian	57
2.2.6. Những vấn đề văn hóa trong truyền thuyết	60
2.3. Đặc trưng thi pháp cổ tích	65
2.3.1. Thi pháp cốt truyện và phương thức trần thuật	65
2.3.2. Thi pháp nhân vật	77
2.3.3. Thi pháp ngôn từ	89
2.3.4. Thi pháp không gian và thời gian	91
2.3.5. Mô típ	93
2.3.6. Những vấn đề văn hóa trong truyện cổ tích	95
2.4. Đặc trưng thi pháp ngụ ngôn	98
2.4.1. Thi pháp cốt truyện và phương thức trần thuật	98
2.4.2. Thi pháp nhân vật	105
2.4.3. Thi pháp ngôn từ	114
2.4.4. Thi pháp không gian và thời gian	115
2.5. Đặc trưng thi pháp truyện cười	115
2.5.1. Thi pháp cốt truyện và phương thức trần thuật	115

2.5.2. Thi pháp nhân vật	117
2.5.3. Thi pháp ngôn từ	118
2.5.4. Thi pháp không gian và thời gian	119
2.6. Đặc trưng thi pháp giai thoại	119
2.6.1. Thi pháp cốt truyện và phương thức trần thuật	119
2.6.2. Thi pháp nhân vật	121
2.6.3. Thi pháp ngôn từ	126
2.6.4. Thi pháp không gian và thời gian	130
Chương 3. Đặc trưng thi pháp các thể loại hát nói	132
3.1. Đặc trưng thi pháp câu đố	132
3.1.1. Cấu trúc câu đố	132
3.1.2. Các phương thức đố	133
3.1.3. Những lĩnh vực văn hóa lịch sử xã hội trong câu đố	136
3.2. Đặc trưng thi pháp tục ngữ	139
3.2.1. Phương thức tạo nghĩa	139
3.2.2. Kết cấu	141
3.2.3. Vần và nhịp điệu	142
3.2.4. Những vấn đề văn hóa, triết lí trong tục ngữ	145
3.3. Đặc trưng thi pháp ca dao	149
3.3.1. Thể thơ	149
3.3.2. Cấu trúc ngữ nghĩa	155
3.3.3. Phương thức chuyển nghĩa	159
3.3.4. Thi pháp nhân vật	162
3.3.5. Biểu tượng	164
3.3.6. Thi pháp ngôn từ	165
3.3.7. Không gian và thời gian nghệ thuật	166
3.4. Đặc trưng thi pháp về	172
4.4.1. Phương thức phản ánh hiện thực	172
4.4.2. Phương thức trần thuật	173
4.4.3. Nhân vật	174
4.4.4. Ngôn ngữ và kết cấu	174
4.4.5. Đặc trưng văn hóa biển trong về Nhật trình	175
3.5. Đặc trưng thi pháp đồng dao	177
3.5.1. Đặc trưng miêu tả trần thuật	177
3.5.2. Kết cấu	178
3.5.3. Vần và nhịp điệu	179
Chương 4. Thi pháp các thể loại diễn xướng tổng hợp	183
4.1. Sử thi	183
4.1.1. Cốt truyện và phương thức trần thuật	183
4.1.2. Cấu trúc sử thi	185
4.1.3. Thi pháp nhân vật	188
4.1.4. Biểu tượng	191
4.1.5. Thi pháp ngôn từ	192
4.1.6. Mô típ	195
4.1.7. Thi pháp không gian và thời gian	196
4.1.8. Những vấn đề văn hóa trong sử thi	198

4.2. Đặc trưng thi pháp truyện ca	199
4.2.1. Thi pháp cốt truyện và phương thức trần thuật	199
4.2.2. Thi pháp nhân vật	199
4.2.3. Thi pháp ngôn từ	200
4.2.4. Thi pháp không gian và thời gian	202
4.3. Đặc trưng thi pháp chèo	203
4.3.1. Kịch bản chèo	203
4.3.2. Nhân vật chèo	206
4.3.3. Phương thức biểu đạt	208
4.3.4. Ngôn ngữ chèo	211
4.3.5. Không gian và thời gian trong chèo	213
4.4. Đặc trưng thi pháp tuồng	214
4.4.1. Kịch bản tuồng	214
4.4.2. Nhân vật tuồng	217
4.4.3. Phương thức biểu đạt	219
4.4.4. Ngôn ngữ tuồng	220
4.4.5. Không gian và thời gian	225
Kết luận	228
TÀI LIỆU THAM KHẢO	229

BẢNG VIẾT TẮT

1. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội: Nxb. KHXH.,H.
2. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội: Nxb. GD., H.
3. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội: Nxb. VHTT., H.
4. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội: Nxb.ĐHQG Hà Nội
5. Sách đã dẫn: Sdd.
6. Tài liệu đã dẫn: Tlđd.
7. Thành phố Hồ Chí Minh: TP.HCM.
8. TTDGNV: Truyền thuyết dân gian người Việt
9. Trang: tr.
10. Văn học dân gian: VHDG
11. Văn học viết: VHV
12. Nguyễn Đồng Chi: NĐC

LỜI NÓI ĐẦU

Thi pháp văn học dân gian là một môn học trong hệ thống môn học thi pháp văn học. Thi pháp văn học dân gian có nhiều điểm mà thi pháp văn học trung đại và văn học hiện đại kế thừa. Lúc đương thời, nhà thơ Xuân Diệu đã từng có bài viết “Nhà thơ học gì ở ca dao”. Các nhà thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nguyễn Bính đều vận dụng thể lục bát ca dao và tục ngữ vào tác phẩm của mình. Vì vậy, học tập và nghiên cứu thi pháp văn học dân gian sẽ giúp ích cho sinh viên học tập và nghiên cứu thi pháp văn học nói chung và thi pháp văn học trung đại và hiện đại nói riêng.

Giáo trình phân bố bốn chương, chương 1 nêu những đặc trưng chung của thi pháp Văn học dân gian; chương 2, 3, 4 là các phần đi vào đặc trưng thi pháp của các thể loại văn học dân gian. Chúng tôi chia thi pháp các thể loại văn học dân gian theo chức năng diễn xướng. Trong chương 4, chúng tôi trình bày thêm thi pháp của thể loại chèo và tuồng mà tất cả các giáo trình thi pháp hiện hành chưa đề cập đến.

Chúng tôi cố gắng biên soạn giáo trình thi pháp văn học dân gian với một khối lượng tri thức phổ quát cho tất cả sinh viên các ngành văn học, văn hóa học, Việt Nam học... Vì vậy giáo trình này có phần chuyên sâu, có phần giới thiệu khái quát để sinh viên các ngành khoa học xã hội và nhân văn có thể vận dụng cho mình tùy theo ngành học. Kiến thức thi pháp văn học dân gian được đưa vào giáo trình đã được cập nhập liên tục từ các thành quả nghiên cứu thi pháp của các nhà folklore Việt Nam và thế giới.

Thi pháp văn học dân gian là thi pháp của các thể loại văn học dân gian. Tuy nhiên có một số tác phẩm dân gian vẫn chưa có sự thống nhất trong nghiên cứu thể loại. Điều này dẫn đến những ý kiến không đồng nhất, thậm chí đối lập giữa các nhà nghiên cứu folklore. Chúng tôi cố gắng nêu ra những vấn đề căn bản nhất trên cơ sở tham khảo những quan điểm của các nhà nghiên cứu tiền bối. Cấu trúc dung lượng các chương khác nhau vì đặc trưng nghệ thuật, quy mô thể loại và số thể loại trình bày trong các chương khác nhau.

Giáo trình của chúng tôi có thể có những vấn đề không đồng nhất với một số giáo trình thi pháp văn học dân gian khác. Sự khác biệt này chủ yếu do giáo trình chúng tôi đi sau nên có thời gian nhìn lại, cập nhập những nghiên cứu mới mà các giáo trình ra đời trước chưa có. Giáo trình chắc có một số thiếu sót nhất định, chúng tôi mong các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục, sinh viên góp ý kiến để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn. Giáo trình ra đời nhờ sự góp ý của đồng nghiệp tổ văn học Việt Nam và giúp đỡ tận tình, có hiệu quả của khoa Ngữ Văn và trường Đại học Sư phạm- ĐHQĐN để giáo trình này được hoàn thành. Tôi cũng rất trân trọng cảm ơn GS.TS Nguyễn Xuân Kính, TS. Phạm Việt Toàn và các anh chị đồng nghiệp đã góp ý cụ thể, chi tiết để tôi có thể chỉnh sửa giáo trình được tốt hơn.

TÁC GIẢ

Chương 1

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M. Bakhtin (1992), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Trường viết văn Nguyễn Du.
2. Nguyễn Nhã Bản (2003), *Cuộc sống của thành ngữ, tục ngữ trong ca dao*, Nxb Nghệ An, Vinh.
3. Nguyễn Nhã Bản (2005), *Đặc trưng cấu trúc - ngữ nghĩa của thành ngữ, tục ngữ trong ca dao*, Nxb VH TT, H.
4. Vũ Kim Biên (2005), *Truyền thuyết Hùng Vương thần thoại vùng đất tổ*, Sở Văn hóa Thông tin Phú Thọ.
5. Nguyễn Phan Cảnh (1987), *Ngôn ngữ thơ*, Nxb ĐH & GDCN, H.
6. Lê Ngọc Cầu, Phan Ngọc (1984), *Nội dung xã hội và mỹ học tuồng đồ*, Nxb. KHXH, H.
7. Trương Chính, Phong Châu (1987), *Tiếng cười dân gian Việt Nam*, Nxb. KHXH, H.
8. Võ Phúc Châu (2005), *Bình luận Văn học – Niên giám 2005*, Nxb Văn hóa Sài Gòn & Hội nghiên cứu – Giảng dạy văn học TP.HCM.
9. Nguyễn Đồng Chi (2000), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, H.
10. Mai Ngọc Chừ (1991), *Văn thơ Việt Nam dưới ánh sáng ngôn ngữ học*, Nxb ĐH&THCN, H.
11. Nguyễn Văn Dân (1995), *Những vấn đề lý luận của văn học so sánh*, Nxb. KHXH, H.
12. Nguyễn Văn Dân (2012), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nxb. Khoa học xã hội, H.
13. Chu Xuân Diên (1981), *Về việc nghiên cứu thi pháp văn học dân gian*, Tạp chí Văn học, Số 5, H.
14. Phan Thị Đào (1999), *Tìm hiểu thi pháp tục ngữ Việt Nam*, Nxb Thuận Hoá, Huế.
15. Hữu Đạt (1996), *Ngôn ngữ thơ Việt Nam*, Nxb GD, H.
16. Cao Huy Đình (1974), *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, Nxb KHXH, H.
17. Trịnh Bá Đình (2002), *Chủ nghĩa cấu trúc và văn học*, Nxb Văn học – Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
18. M. Arnaudóp (1978), *Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Văn học, H.
19. Hà Minh Đức (chủ biên) (1993), *Lý luận văn học*, Nxb GD, H.
20. Nguyễn Xuân Đức (2003), *Những vấn đề thi pháp Văn học dân gian*, Nxb KHXH, H.
21. Ninh Viết Giao (1997), *Câu đố Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H.
22. Ninh Viết Giao (2011), *Văn hóa dân gian xứ Nghệ, Tập 8. Về nghề nghiệp*, Nxb. Văn hóa Thông tin, H.
23. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb. Giáo dục, H.
24. V.E. Guxep (1998), *Mỹ học folklore*, Hoàng Ngọc Hiến dịch, Nxb Đà Nẵng.

25. Đinh Gia Khánh (chủ biên), Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (1997), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb GD, H.
26. Vũ Ngọc Khánh (1991), *Dẫn luận nghiên cứu folklore Việt Nam*, Sở giáo dục Thanh Hóa.
27. Vũ Ngọc Khánh (1994), *Kho tàng giai thoại Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, H.
28. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thị Huệ (1995), *Kho tàng thần thoại Việt Nam*, Nxb. KHXH, H.
29. Vũ Ngọc Khánh (1996), *Hành trình vào xứ sở cười*, Nxb. GD, H.
30. Nguyễn Xuân Kính (1991), Thi pháp học và việc nghiên cứu văn học nghệ thuật dân gian, Tạp chí Văn hóa dân gian, số tháng 3, H.
31. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (chủ biên), Phan Đăng Tài, Nguyễn Thuý Loan, Đặng Diệu Trang (1995), *Kho tàng ca dao người Việt* (4 tập), Nxb VHNT, H.
32. Nguyễn Xuân Kính (2004), *Thi pháp ca dao*, Nxb Đại học Quốc gia, H.
33. Nguyễn Xuân Kính (2012), *Một nhận thức về văn học dân gian Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
34. Đỗ Hồng Kỳ, Điều Kâu, Nơ Yu, Đăm Pơ Tiêu (1997), *Sử thi thần thoại M'ông*, Nxb KHXH, H.
35. Vũ Tố Hào (1991), Tính địa phương, đặc trưng cơ bản của thi pháp thể loại vè, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 2, H.
36. Đỗ Đức Hiểu (Chủ biên, 1984), *Từ điển văn học*, tập II, Nxb KHXH, H.
37. Nguyễn Thái Hoà (1997), *Tục ngữ Việt Nam cấu trúc & thi pháp*, Nxb KHXH, H.
38. Nguyễn Thái Hoà (2000), *Những vấn đề thi pháp của truyện*, Nxb GD, H.
39. Hội Nghiên cứu & Giảng dạy Văn học Tp.HCM (2003), *Truyền thuyết Việt Nam và vấn đề thể loại*, Nxb Trẻ, Tp. HCM.
40. Nguyễn Xuân Lạc (1998), *Văn học dân gian Việt Nam trong nhà trường*, Nxb. Giáo Dục, H.
41. Lã Duy Lan (2008), *33 truyền thuyết tiêu biểu của Việt Nam*, Nxb. Công An nhân dân, H.
42. Lê Đức Luận (1998), Dạng tham thoại hằng trong bài ca dao "Xin áo", Ngôn ngữ và Đời sống, số 2 (28), H.
43. Lê Đức Luận (2003), Bàn thêm về thuộc tính văn học dân gian, Nguồn sáng dân gian, số 1 (6), H.
44. Lê Đức Luận (2006), Mùa xuân và hoa trong ca dao, Ngôn ngữ và Đời sống, số 4 (126), H.
45. Lê Đức Luận (2006), Từ ngôn ngữ thông tin quảng cáo đến việc xử lý tình huống trong truyện Treo biển, Thế giới trong ta, Số 57+58, H.
46. Lê Đức Luận (2007), Xã hội Hùng Vương thể hiện trong ngôn ngữ truyền thuyết và cổ tích, Ngôn ngữ và Đời sống, số 4 (138), H.
47. Lê Đức Luận (2009), *Thi pháp các thể loại truyện kể dân gian*, B 2008-ĐN 03-27.
48. Lê Đức Luận (2010), Biểu tượng Long – Rồng từ cội nguồn văn hoá giống nòi thể hiện trong truyền thuyết đến địa danh Thăng Long- Hà Nội (2010), Ngôn ngữ và Đời sống, số 171+172, H.

49. Lê Đức Luận (2010), *Cảm nhận trầu cau từ tâm thức huyền thoại*, Văn hóa nghệ thuật, số tháng 2, H.
50. Lê Đức Luận (2011), *Cấu trúc ca dao trữ tình người Việt*, Nxb.Đại học Huế, Tái bản.
51. Lê Đức Luận (2011), *Vài nét về văn hóa truyền thống người Việt qua một câu tục ngữ, Ngôn ngữ và Đời sống*, số tháng 3, H.
52. Lê Đức Luận (2012), *Điểm nhìn nghiên cứu văn học*, Nxb. Văn học, Tái bản.
53. Lê Đức Luận (2015), *Tiếp cận tác phẩm nhà trường theo phương pháp phức hợp*, Nxb. Văn học.
54. Lê Đức Luận (2015), *Một số biểu hiện của ngôn ngữ văn học trung đại trong văn bản thần tích thời Hùng Vương, Kỉ yếu hội thảo “Văn học Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa”*, Nxb. Thông tin Truyền thông, 2017, tr.230-236
55. Lê Đức Luận (2016), *Đặc điểm truyền thuyết địa danh*, Tạp chí Đại học Sài Gòn, số 19 (44).
56. Lê Đức Luận (2016), *Đặc điểm nghệ nhân và làng nghề trong truyền thuyết*, Tạp chí Thế giới Di sản, số tháng 11, H.
57. Lê Đức Luận (2016), *Cảnh quan và giao thương trên biển trong các bài về Hải trình, Kỉ yếu hội thảo Văn hóa du lịch*, Đại học Văn Hiến.
58. Lê Đức Luận (2017), *Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa, Tập 1*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
59. Lê Đức Luận (2017), *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
60. Lê Đức Luận (2018), *Văn học nhà trường theo định hướng dạy học tích hợp*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
61. Lê Đức Luận (2018), *Triết lí nhân sinh của người Việt trong tục ngữ, Kỉ yếu hội thảo Quốc tế*, Nxb. Đại học Cần Thơ.
62. Lê Đức Luận (2019), *Tín hiệu thẩm mĩ về tình yêu trong ca dao người Việt, Kỉ yếu hội thảo Ngôn ngữ học*, Nhà xuất bản Dân Trí, H.
63. Lê Đức Luận (2019), *Đặc điểm giới trong ngôn ngữ ca dao người Việt, Kỉ yếu hội thảo Văn học giới*, Đại học Sư phạm Huế, Nxb. Đại học Huế.
64. Đặng Văn Lung (chủ biên-1997), *Nghiên cứu văn nghệ dân gian Việt Nam, Tập 1*, Nxb Văn hoá dân tộc, H.
65. Đặng Văn Lung (chủ biên-1997), *Nghiên cứu văn nghệ dân gian Việt Nam, Tập 2*, Nxb Văn hoá dân tộc, H.
66. Đặng Văn Lung (2003), *Lịch sử và Văn học dân gian*, Nxb. Văn học, H.
67. Phương Lựu (2004), *Lý luận phê bình văn học*, Nxb. Đà Nẵng.
68. Lạc Nam (1993), *Tìm hiểu các thể thơ*, Nxb Văn học, H.
69. E. M. Meletinsky (2004), *Thi pháp huyền thoại*. Người dịch: Trần Nho Thìn – Song Mộc, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
70. Tăng Kim Ngân (1994), *Cổ tích thần kì người Việt. Đặc điểm, cấu tạo, cốt truyện*, Nxb KHXH, H.
71. Phan Đăng Nhật (2009), *Văn hoá các dân tộc thiểu số những giá trị đặc sắc*, Nxb. KHXH, H.
72. Phan Đăng Nhật (1991), *Sử thi Ê Đê*, Nxb KHXH, H.
73. Bùi Mạnh Nhị (chủ biên, 2001), *Văn học dân gian, những công trình nghiên cứu*, Nxb GD, H.

74. Nhiều tác giả (1957), *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Nxb Xây dựng, H.
75. Nhiều tác giả (1957), *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, Nxb Văn Sử Địa, H.
76. Triều Nguyên (1997), *Tiếp cận ca dao bằng phương thức xâu chuỗi theo mô hình cấu trúc*, Nxb Thuận Hoá, Huế.
77. Triều Nguyên (2001), *Bình giải ca dao*, Nxb Thuận Hoá, Huế.
78. Triều Nguyên (2003), *Các hình thức chơi chữ trong câu đố*, Thông báo Văn hóa dân gian, Nxb. Khoa học Xã hội, H.
79. Triều Nguyên (2004), *Góc nhìn cấu trúc về truyện ngụ ngôn dân gian Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa.
80. Triều nguyên (2010), *Sự khác biệt giữa truyện cười và cổ tích sinh hoạt có yếu tố gây cười*, Tạp chí Sông Hương.
81. Trần Đình Ngôn (2005), *Nguyên tắc cơ bản trong nghệ thuật chèo*, Nxb Sân Khấu, H.
82. G. N. Pospelov (1985), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Tập I và II, Nxb GD, H.
83. V. IA. Propp (2003), *Tuyển tập Propp, Tập I*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, H.
84. V. IA. Propp (2005), *Tuyển tập Propp, Tập II*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, H.
85. Vũ Ngọc Phan (1976), *Qua những trang văn*, Nxb Văn học, H.
86. Lê Trường Phát (2000), *Thi pháp Văn học dân gian*, Nxb GD, H.
87. Mịch Quang (1995), *Đặc trưng nghệ thuật tuồng*, Nxb. Sân khấu, H.
88. Lê Chí Quế (chủ biên), Nguyễn Hùng Vĩ, Võ Quang Nhơn (1996), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
89. Vũ Hữu San (1970), “Về Thủy Trình”, *Đặc san Sử Địa*, số 17,18 và 22, Sài Gòn.
90. Ferdinand De Saussure (2017), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Cao Xuân Hạo dịch, Nxb. KHXH.
91. Trần Đình Sử (1998), *Giáo trình Dẫn luận về thi pháp học*, Nxb GD, H.
92. Trần Đình Sử (chủ biên, 2004), *Tự sự học- Một số vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
93. Trần Đình Sử (2004), *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nhiều người dịch, Trần Đình Sử tuyển chọn và giới thiệu, Nxb. KHXH, H.
94. *Trần Đình Sử tuyển tập, Tập 2* (2005), Nxb. GD., H.
95. Chu Thị Hà Thanh (2003), *Văn và nhịp trong đồng dao*, Thông báo Văn hóa dân gian, Nxb. Khoa học Xã hội, H.
96. *Thi pháp học ở Việt Nam* (2010), Nxb. Giáo dục, H.
97. Đặng Thái Huyền (1985), *Mô tip sáng tạo vũ trụ trong sử thi “Đẻ Đất đẻ Nước”*, Tạp chí Văn học, số 4, H.
98. Đỗ Lai Thúy (1999), *Hồ Xuân Hương, hoài niệm phồn thực*, Nxb VHNT, H.
99. Đỗ Lai Thúy (2001), *Nghệ thuật như là thủ pháp*, Nxb Hội Nhà văn, H.
100. Vũ Anh Tuấn, Nguyễn Xuân Lạc (1995), *Giảng văn Văn học dân gian*, Nxb. GD., H.
101. Phan Trần (Phan Kế Hoành-Trần Quốc Vượng, 1967), *Tinh thần dân tộc qua các truyền thuyết lịch sử*, Tạp chí Văn học, số 3, H.
102. Đỗ Bình Trị (1991), *Văn học dân gian Việt Nam*, Tập I, Nxb. GD, H.
103. Đỗ Bình Trị (1999), *Những đặc điểm của thi pháp của các thể loại Văn học dân gian*, Nxb GD, H.

104. Đỗ Bình Trị, Trần Đình Sử (1998), *Văn học, Tập II*, Nxb. Giáo dục, H.
105. Hoàng Trinh (1992), *Từ kí hiệu học đến thi pháp học*, Nxb. KHXH, H.
106. Hoàng Tiến Tựu (1983), *Mấy vấn đề về phương pháp giảng dạy, nghiên cứu Văn học dân gian*, Nxb GD., H.
107. Hoàng Tiến Tựu (1990), *Văn học dân gian Việt Nam*, Tập II, Nxb. GD., H.
108. Hoàng Tiến Tựu (1996), *Bình giảng truyện dân gian*, Nxb GD., H.
109. Hoàng Tiến Tựu (1997), *Bình giảng ca dao*, Nxb GD, H.
110. Viện Văn hoá dân gian (1990), *Văn hoá dân gian - những phương pháp nghiên cứu*, Nxb KHXH, H.
111. Viện Văn hoá dân gian (2001-2010), *Thông báo văn hoá dân gian*, Nxb KHXH& ĐHQG Hà Nội.
112. Viện Văn học (1999), *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam, Tập IV, Quyển I, Tục ngữ - Ca dao*, Nxb GD., H.
113. Viện Nghiên cứu văn hóa (2002), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập I, Tục ngữ*, Nxb. Khoa học Xã hội, H.
114. Viện Nghiên cứu văn hóa (2003), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 19, Nhận định và tra cứu*, Nxb. Khoa học Xã hội, H.
115. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2003), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 17, Kịch bản chèo*, Nxb. KHXH, H.
116. Viện Nghiên cứu văn hóa (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 4, Truyền thuyết dân gian người Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội, H.
117. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 8, Truyện cười*, Nxb. KHXH, H.
118. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 9, Truyện cười, phần truyện Trạng*, Nxb. KHXH, H.
119. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 10, Truyện ngụ ngôn*, Nxb. KHXH, H.
120. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2004), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 11, Giai thoại văn học Việt Nam*, Nxb. KHXH, H.
121. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2005), *Tổng tập văn học dân gian người Việt. Tập 3, Câu đố*, Nxb. Khoa học Xã hội, H.
122. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2005), *Tổng tập Văn học dân gian người Việt, Tập 7, Truyện cổ tích loài vật, Truyện cổ tích sinh hoạt*, Nguyễn Thị Huệ chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, H.
123. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2006), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 18, Kịch bản tuồng dân gian*, Nxb. KHXH, H.
124. Viện Nghiên cứu văn hóa (2008), *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tập 21, Truyện thơ*, Nxb. Khoa học Xã hội, H.
125. Viện Nghiên cứu văn hóa (2008), *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tập 22, Truyện thơ*, Nxb. Khoa học Xã hội, H.
126. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2009), *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tập 10, Sử thi Mơ Nông*, Nxb. KHXH, H.
127. Tầm Vu (Trần Văn Giàu, 1967), *Tư tưởng chủ yếu của người Việt thời cổ qua những truyện đứng đầu trong thần thoại và truyền thuyết*, Tạp chí Văn học, số 3, H.
128. Trần Quốc Vượng (1990), *Folklore Việt Nam-trữ lượng và viễn cảnh*, Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật, số 5, H.

129. Trần Quốc Vượng (Chủ biên-2005), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, H.
130. Phạm Thu Yến (1998), *Những thế giới của nghệ thuật ca dao*, Nxb GD., H.